

VỀ CHI PHÍ KINH TẾ CHO QUÁ TRÌNH THỐNG NHẤT BÁN ĐẢO TRIỀU TIÊN TRONG TƯƠNG LAI

PHẠM QUÝ LONG*

Trước đây, rất nhiều người tin rằng thống nhất Bán đảo Triều Tiên sẽ diễn ra nhanh chóng. Mặc dù không thống nhất được một cách chính xác việc đó diễn ra khi nào và như thế nào, song ngày nay nhiều người vẫn theo đuổi quan điểm cho rằng Cộng hoà Dân chủ Nhân dân (CHDCND) Triều Tiên thật sự phải thay đổi trong khi Hàn Quốc nên sẵn sàng lái sự việc theo hướng mong muốn. Thậm chí, nếu việc sáp nhập được thực hiện thông qua sự "sụp đổ" của CHDCND Triều Tiên theo kiểu Đông Đức năm 1990 thì cách thức thực hiện cũng như gánh nặng kinh tế sẽ phụ thuộc vào đáp ứng từ phía Hàn Quốc. Vì thế, gánh nặng kinh tế của sự thống nhất bán đảo Triều Tiên là chủ đề thường xuyên của nhiều cuộc thảo luận đối với một số nhà nghiên cứu kinh tế quan tâm tới vấn đề này. Trên thực tế, sự phức tạp và đa dạng của các kết quả nghiên cứu trên khía cạnh kinh tế do xuất phát từ các giả định việc thống nhất hai miền Triều Tiên là khác nhau. Từ đó có thể đã tạo ra sự hiểu nhầm về các dự toán này. Hơn nữa nếu việc đưa ra những con số chi phí kinh tế quá lớn mà không có lời giải thích hợp lý sẽ có thể tạo ra thái độ tiêu cực cho người dân Hàn Quốc về công cuộc thống nhất hai miền Triều Tiên. Chính vì vậy, việc nghiên cứu một số khía cạnh kinh tế của vấn đề này là hết sức khó khăn bởi sẽ có sự sai lệch do các thay đổi của điều kiện thực tiễn qua thời gian và sự tiến triển của quá trình thống nhất là điều khó

lường trước. Tuy nhiên với quan điểm nghiên cứu học thuật và mang tính tham khảo, vấn đề này vẫn rất cần những tính toán và bàn luận ở mọi góc độ khác nhau, dẫn rằng sự tiếp cận tới tương lai của khả năng thống nhất trên Bán đảo Triều Tiên còn cả một quãng đường mà chưa ai biết chính xác là bao nhiêu. Chính vì thế, bài viết này chỉ tập trung thảo luận trên mấy vấn đề sau đây.

1. Xây dựng giả định hình thức thống nhất và bàn về khái niệm chi phí kinh tế cho sự thống nhất Bán đảo Triều Tiên ở tương lai.

Hãy giả định rằng, công cuộc thống nhất Bán đảo Triều Tiên với tốc độ nhanh hay diễn ra theo từng bước có thể chỉ là sự lựa chọn mà thôi. Nếu hai giải pháp này đều không nằm trong lựa chọn của chúng ta thì sự thảo luận ở đây không còn có ý nghĩa. Vì vậy, hãy xuất phát từ giả định này để nó sẽ làm cơ sở cho sự bàn luận tiếp theo.

Có thể nói, khái niệm chi phí thống nhất phụ thuộc vào cách người ta hiểu như thế nào về các từ "thống nhất" và "chi phí". Tốc độ của công cuộc thống nhất hiểu theo nghĩa rộng là dù thực hiện với tốc độ nhanh hay diễn ra từng bước cũng đều tác động tới chi phí kinh tế cho sự thống nhất.

Một số người cho rằng sự thống nhất diễn ra theo từng bước sẽ tốn ít chi phí hơn so với công cuộc thống nhất diễn ra nhanh chóng. Giải pháp thống nhất từng bước giả định rằng CHDCND Triều Tiên có thể hoàn thành công cuộc chuyển đổi kinh tế trong một thời gian dài và sẽ đạt

* Thạc sĩ, Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á

được hiệu quả kinh tế. Từ đó làm giảm tối thiểu yêu cầu chuyển giao nguồn lực từ phía Hàn Quốc cho CHDCND Triều Tiên. Những người yêu cầu sự thống nhất từng bước vẫn e ngại liệu phía CHDCND Triều Tiên có thể đảm nhận chuyển giao hệ thống kinh tế như vậy hay lại xem sự chuyển giao từng bước là lời đề nghị can thiệp từ tầng lớp “có đặc quyền, đặc lợi” và do vậy gây khó khăn cho việc giảm thiểu những chi phí chuyển giao hệ thống giữa hai miền Triều Tiên.

Những người thích thống nhất hai miền Triều Tiên với tốc độ nhanh so với thống nhất từng bước tin rằng thống nhất nhanh chóng có thể cân chi phí lớn lúc ban đầu song sẽ tạo ra một nền kinh tế hoạt động có hiệu quả sớm hơn. Do vậy sẽ giảm được chi phí trong thời gian dài về sau này.

Nếu công cuộc thống nhất diễn ra nhanh chóng là khả năng mang tính chính trị thì điều đó vượt quá phạm vi bàn luận của bài viết. Một vấn đề quan trọng khác là liệu người dân Hàn Quốc có muốn chấp nhận gánh nặng tài chính ngắn hạn hơn đi kèm với công cuộc thống nhất nhanh chóng hay không. Trong trường hợp nước Đức, gánh nặng kinh tế của sự thống nhất nhanh chóng đã tạo ra những lời chỉ trích gay gắt về mặt kinh tế - xã hội, mặc dầu Tây Đức có tiềm lực kinh tế hùng mạnh được chứng minh bởi thặng dư buôn bán của nước này trong những năm 1990. Ngược lại với nước Đức, việc Hàn Quốc có thể giải quyết được chi phí thống nhất hay không nếu nó bất ngờ xảy ra là vấn đề chưa thể dự đoán được. Vì thế, theo tôi, nếu xuất phát từ một giả định cho rằng quá trình thống nhất Bán đảo Triều Tiên là một sự phát triển tất yếu khách quan, trong chừng mực nhất định, sự thống nhất từng

bước là lựa chọn có lợi hơn cả về mặt chính trị cũng như kinh tế.

Trên quan điểm kinh tế, bằng kinh nghiệm thực tiễn của quá trình thống nhất nước Việt Nam sau năm 1975 cho thấy khái niệm kinh tế về chi phí thống nhất là phân thu nhập và cơ hội tiêu dùng mà người dân sống trên hai miền Nam và Bắc Việt Nam phải cống hiến và san sẻ hỗ trợ lẫn nhau. Tuy nhiên, bởi sự khác biệt về kinh tế giữa hai miền là không giống như sự khác biệt giữa Hàn Quốc và CHDCND Triều Tiên. Hơn nữa, phương thức thống nhất đất nước của Việt Nam cũng hoàn toàn khác với giả định sự thống nhất Triều Tiên. Vì thế, nếu công cuộc thống nhất ở Bán đảo Triều Tiên được người dân Hàn Quốc lựa chọn, thì đương nhiên gánh nặng kinh tế cho Hàn Quốc là rất lớn. Do vậy, tác động của nó phụ thuộc vào quan niệm ai là người chịu phí tổn cho kết quả thống nhất đó. Nếu từ “ai” chỉ bao gồm toàn bộ người dân Hàn Quốc thì mọi thứ chuyển giao cho CHDCND Triều Tiên từ phía Hàn Quốc sẽ là chi phí thống nhất. Khái niệm hẹp này được áp dụng khi người dân Hàn Quốc có thể lựa chọn giữa việc theo đuổi công cuộc thống nhất để đạt được hoà bình và tương lai sán lạn hoặc giữ nguyên hiện trạng. Nói cách khác, khi từ “ai” được hiểu một cách rộng hơn là người dân của nước Triều Tiên thống nhất thì hàng hoá mà Hàn Quốc trợ giúp cho CHDCND Triều Tiên sẽ ngay lập tức biến thành chi phí thống nhất và nguồn lực này thực sự được chuyển giao giữa hai miền.

Tuy nhiên, sẽ có những câu hỏi nảy sinh rằng việc chuẩn bị dự trữ các nguồn lực của Hàn Quốc ra sao nếu công cuộc thống nhất diễn ra? Trong bối cảnh hiện nay khi còn tồn tại sự khác biệt lớn về kinh tế giữa hai miền Triều Tiên thì công

cuộc thống nhất ắt hẳn sẽ gắn liền với sự chuyển giao nguồn lực của phía Hàn Quốc cho CHDCND Triều Tiên. Khi biên giới giữa hai miền Triều Tiên được khép lại thì sẽ có làn sóng di cư lớn từ CHDCND Triều Tiên vào Hàn Quốc, gây nên bởi nền kinh tế vốn đã “ọp ẹp” của CHDCND Triều Tiên. Điều này sẽ dẫn tới sự hỗn loạn lớn ở Hàn Quốc và giảm mức sống của người dân Hàn Quốc. Giữ người dân CHDCND Triều Tiên ở lại quê hương bằng cách cứu trợ cho họ và đồng thời cho phép nhập cư có trật tự có lẽ là điều lý tưởng để bình ổn xã hội thời “hậu thống nhất”. Tuy nhiên, người dân Hàn Quốc sẽ được yêu cầu đóng góp để nâng cao mức sống của người dân ở miền Bắc (CHDCND Triều Tiên).

Chi phí thống nhất thường được xác định là tổng nguồn lực mà phía Hàn Quốc phải sử dụng để nâng mức sống của CHDCND Triều Tiên lên ngang bằng với Hàn Quốc. Do người dân Hàn Quốc có thể sử dụng nguồn lực của họ cho các mục tiêu khác, nên nếu họ phải sử dụng chúng để nâng cao mức sống ở CHDCND Triều Tiên thì có thể nói rằng người dân Hàn Quốc sẽ phải đánh đổi để có được thống nhất. Và mức độ của sự hy sinh này là chi phí thống nhất. Mức độ hy sinh về mặt vật chất của người dân Hàn Quốc còn phụ thuộc vào mức độ họ cần chi phí để co hẹp sự khác biệt về mức sống giữa hai miền Triều Tiên.

Để cân bằng hoàn toàn giữa hai miền Triều Tiên về thu nhập bình quân tính theo đầu người trên tổng thu nhập quốc nội không những đòi hỏi phải mất một thời gian dài mà còn sẽ đè thêm gánh nặng kinh tế lên vai người dân Hàn Quốc. Do vậy, nhiều cuộc thảo luận được tiến hành rộng rãi bởi giới học giả Hàn Quốc nhằm tăng mức thu nhập đầu người tính theo tổng thu nhập quốc nội của

CHDCND Triều Tiên lên bằng 60% so với Hàn Quốc (giống như trường hợp nước Đức) đã nảy sinh những vấn đề kinh tế hết sức nan giải cho cả hai miền Triều Tiên mà chưa thể tìm thấy lời giải đáp tối ưu⁽¹⁾.

2. Thử tìm, chọn phương thức thống nhất tối ưu về mặt kinh tế học

Mặc dù trường hợp thống nhất nước Đức đã cung cấp đủ kinh nghiệm để tính toán chi phí thống nhất Triều Tiên cũng như phương thức tài trợ cho công cuộc thống nhất, song mô hình của Đức không thể áp dụng trực tiếp vào Triều Tiên được bởi vì chi phí thống nhất cũng như các phương pháp tài trợ còn phụ thuộc vào tốc độ của công cuộc thống nhất cũng như tình hình kinh tế của mỗi nước không giống nhau.

Tuy nhiên, ít ra bằng kinh nghiệm thực tiễn nước Đức cho thấy, nếu phân chia theo phương thức qua đó tiến hành công cuộc thống nhất thì sẽ có hai loại hình chi phí cho công cuộc thống nhất:

Phương thức thứ nhất là các chi phí đầu tư được sử dụng để tăng năng suất lao động ở CHDCND Triều Tiên sao cho bắt kịp với Hàn Quốc.

Phương thức thứ hai nhằm khống chế khủng hoảng kinh tế theo cách nâng cao mức sống ở CHDCND Triều Tiên để ngăn làn sóng di cư lớn từ CHDCND Triều Tiên vào Hàn Quốc.

- Chi phí cho công cuộc thống nhất nhanh chóng sẽ thấp hơn so với thống nhất từng bước bởi vì trong trường hợp thống nhất nhanh chóng nền kinh tế CHDCND Triều Tiên sẽ nhanh chóng được chuyển sang nền kinh tế thị trường

⁽¹⁾ Khi thực hiện quá trình thống nhất nước Đức năm 1990, các nhà nghiên cứu rút ra sự quy đổi cần có với mức so sánh GDP của Đông Đức phải đạt tới gần 60% so với GDP của Tây Đức thì phương pháp thống nhất nhanh mới có hiệu quả.

và do vậy cơ chế giá tự do sẽ giúp cho sự phân bổ nguồn đầu tư một cách hiệu quả. Tuy nhiên như trong trường hợp nước Đức, chi phí cho công cuộc thống nhất nhanh chóng chủ yếu bao gồm chi phí khống chế khủng hoảng sau thống nhất.

Nếu biên giới giữa hai miền được dỡ bỏ và sự khác biệt về thu nhập không nhanh chóng được giải quyết thì hậu quả tất yếu là người dân CHDCND Triều Tiên sẽ tràn sang định cư ở Hàn Quốc. Do vậy cần phải có phương thức để ổn định cuộc sống của họ ở CHDCND Triều Tiên nhằm ngăn chặn làn sóng di cư lớn vào Hàn Quốc. Mặc dù nguồn đầu tư mới có thể sẽ dần dần thúc đẩy tăng năng suất lao động của CHDCND Triều Tiên. Song người dân Hàn Quốc còn phải chia sẻ thu nhập của họ cho những người anh em phía Bắc tới khi tổng sản phẩm quốc nội của CHDCND Triều Tiên bằng 60% của Hàn Quốc như theo kết quả ước đoán của mô hình nước Đức. Điều này cho thấy, đây là một tiến trình khó khăn và khó xác định chính xác thời gian biểu của nó.

- Tình huống thống nhất từng bước cũng cần chi phí đầu tư và chi phí kiểm soát khủng hoảng kinh tế. Do thống nhất từng bước liên quan tới thống nhất hệ thống kinh tế - chính trị của cả CHDCND Triều Tiên lẫn Hàn Quốc dựa trên hiệp định được ký giữa hai miền nên CHDCND Triều Tiên sẽ mở cửa và cải tổ nền kinh tế của mình một cách chậm chạp cùng với sự trợ giúp của Hàn Quốc cho tới tận khi hoàn thành công cuộc thống nhất kinh tế.

Biên giới giữa hai miền vẫn ngăn dân cư của hai miền đi lại tự do cho tới tận khi hoàn thành sự sáp nhập hệ thống kinh tế - chính trị của hai miền. Tất nhiên, chi phí kiểm soát khủng hoảng kinh tế sẽ ít hơn trong trường hợp thống nhất từng bước. Quỹ kiểm soát khủng

hoảng thậm chí không cần thiết trong trường hợp vẫn tồn tại biên giới giữa hai miền và vẫn ngăn chặn sự di cư của người dân ở hai miền. Song nếu biên giới giữa hai miền được dỡ bỏ trước khi tổng sản phẩm quốc nội của CHDCND Triều Tiên đạt tới gần bằng 60% của Hàn Quốc thì vẫn cần có quỹ kiểm soát khủng hoảng kinh tế.

Nói cách khác, chi phí đầu tư sẽ là gánh nặng trong trường hợp thống nhất từng bước. Bởi vì trong bối cảnh đó, nền kinh tế tập trung của CHDCND Triều Tiên vẫn còn tồn tại trong một thời gian nữa, thậm chí kể cả khi nguồn đầu tư mới được cho là sẽ trở nên có hiệu quả hơn trong nền kinh tế mở cửa hay đang trong giai đoạn cải tổ. Tuy nhiên, nó sẽ vẫn không phát huy hiệu quả cao khi nền kinh tế chưa thực sự chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường hoàn chỉnh.

Như vậy, trong trường hợp thống nhất từng bước chi phí kiểm soát khủng hoảng kinh tế sẽ thấp song chi phí đầu tư sẽ cao.

Bây giờ chúng ta sẽ dự tính chi phí đầu tư và chi phí kiểm soát khủng hoảng kinh tế trong cả hai tình huống thống nhất đất nước Triều Tiên. Giả định đầu tiên của chúng ta là sự biến mất của biên giới giữa hai miền cho phép các công ty của Hàn Quốc đầu tư vào CHDCND Triều Tiên và người dân CHDCND Triều Tiên tới Hàn Quốc. Trong trường hợp này, cần phải đầu tư bao nhiêu để tổng sản phẩm quốc nội của CHDCND Triều Tiên bằng 60% của Hàn Quốc?

Chúng ta hãy lấy các kết quả có được của việc áp dụng mô hình CGE (Computable General Equilibrium Model) sử dụng ở Đức trong những năm 1990 để tìm câu trả lời cho câu hỏi này. Sự tính toán được tiến hành theo mô hình điểm cân bằng chung (CGE) và đã được thực hiện trên máy tính. Nhắc lại là mô

hình tính toán này dựa trên lý thuyết kinh tế tân cổ điển cho rằng mọi thị trường đều có tính cạnh tranh hoàn hảo và các yếu tố sản xuất đều được khai thác một cách đầy đủ. Mô hình này cũng giả định rằng tất cả các thành phần kinh tế đều hoạt động tuân theo hệ thống giá cả thị trường sẵn có và cố gắng theo đuổi các mục tiêu của họ trong phạm vi những hạn chế về khả năng, và mọi nguồn lực được phân bổ một cách tối ưu trong một cơ cấu kinh tế ban đầu. Tuy nhiên, người ta có thể đặt câu hỏi liệu các hoạt động kinh tế của một nước xã hội chủ nghĩa như Đông Đức trước đây có thể phân tích theo mô hình kinh tế tân cổ điển hay không. Theo ý kiến của nhiều nhà kinh tế thuộc trường phái kinh tế học phương Tây (kinh tế thị trường) cho rằng nếu các nhà hoạch định kinh tế cần phải tối đa hoá phúc lợi xã hội của một xã hội bằng cách phân bổ các nguồn lực theo các mục tiêu của từng xã hội cụ thể thì ít nhất theo giả định về mặt lý thuyết sẽ đạt được "Pareto tối ưu" (được hiểu là điểm cân bằng tối ưu về phân bổ nguồn lực cho nền kinh tế) ở các nước xã hội chủ nghĩa.

Chắc chắn rằng sự thiếu hụt thông tin và bệnh quan liêu cố hữu trong thể chế kế hoạch hoá tập trung sẽ gây khó khăn để đạt được "Pareto tối ưu" trong thực tế. Song dù sao thì việc tạo ra một bức tranh kinh tế lý tưởng vẫn còn hữu ích để tạo ra một chuẩn mực đánh giá. Chi phí đầu tư ít nhất được tính toán theo mô hình CGE nhờ sử dụng các số liệu kinh tế của Đông Đức cho ta kết quả là GDP đầu người của Đông Đức phải bằng tới 60% tổng sản phẩm quốc nội tính theo đầu người của Tây Đức. Nếu vậy, ta có thêm một giả thiết nữa rằng một lượng lớn vốn của Đông Đức sẽ trở nên vô dụng bởi vì vốn của Đông Đức khác rất nhiều so với của Tây Đức về mặt năng suất cũng như

các khía cạnh chất lượng khác. Các nhà kinh tế đã dự toán tổng nguồn đầu tư và sự phân bổ hoàn hảo nguồn đầu tư trong các ngành khác nhau theo một nguyên tắc khác là chỉ có 30% vốn của Đông Đức sẽ hữu dụng sau khi thống nhất nước Đức⁽²⁾.

Như vậy, việc dự toán chi phí thống nhất dựa trên mô hình CGE bao gồm tính toán các nguồn lực tối thiểu nhất cần để tăng tổng sản phẩm quốc nội của CHDCND Triều Tiên tính theo đầu người lên một mức nhất định chẳng hạn bằng 60% của Hàn Quốc. Trong trường hợp này, chúng ta theo giả định của phương pháp lý thuyết kinh tế tân cổ điển là cơ cấu công nghiệp hiện hành sẽ giúp tạo ra khả năng phân bổ đầu tư tốt nhất và các nguồn đầu tư mới được phân bổ công bằng bởi thị trường. Tất nhiên điều này khác nhiều trong thực tế. Như đã nhận thấy từ thực tế kết quả ở nước Đức trước kia, chi phí đầu tư thật sự sẽ cao hơn rất nhiều so với dự toán theo phương pháp lý thuyết kinh tế này. Để áp dụng mô hình này cho CHDCND Triều Tiên, chúng ta sẽ cùng đối chiếu so sánh với kết quả tính toán của Young Sun Lee⁽³⁾ được trình bày ở phần dưới đây. Lee đã tập hợp các số liệu về cơ cấu công nghiệp của CHDCND Triều Tiên và kiến tạo ma trận nghiên cứu xã hội học về CHDCND Triều Tiên. Làm điều này cần phải truy cập vào bảng

(2) Sự tính toán theo mô hình CGE đã được nhà kinh tế Noland đề cập đến năm 1996 trong trong nhiều công trình nghiên cứu của ông khi bàn về chi phí thống nhất cho CHDCND Triều Tiên; Noland (1996) và ước tính chi phí thống nhất của Dong Chun Shin (1998) cho trường hợp của Đức và Hàn quốc, Viện thống nhất Hàn quốc.

(3) Xem: Lee, Young Sun (1994), "Economic integration of the Korean Peninsula: A Scenario Approach to the Cost of Unification," in Sung Yeung Kwack (ed), *The Korean Economy at a Crossroad*, Westport CT: Praeger.

số liệu đầu vào và đầu ra về sản xuất của CHDCND Triều Tiên, do vậy Lee tạo ra một bảng tính toán dựa trên các số liệu và các kết quả của mô hình nước Đức những năm 1990. Cùng với Lee, các nhà nghiên cứu Hàn Quốc khác cho rằng việc làm phổ biến để có các bảng đầu vào và đầu ra của nền kinh tế CHDCND Triều Tiên là phải sử dụng các dữ liệu của các nước khác, đặc biệt là các nguồn tư liệu của Trung Quốc. Vì thế cơ cấu công nghiệp của nước này có thể được giả định cần phải phát triển đồng đều hơn so với Đông Đức trước khi thống nhất. Điều cũng quan trọng là cần biết được bao nhiêu dự trữ vốn của CHDCND Triều Tiên được sử dụng cho sản xuất trong thực tế. Như đã thấy trong trường hợp nước Đức, hầu hết dự trữ vốn của CHDCND Triều Tiên sẽ trở nên vô dụng khi thống nhất đất nước. Bởi vì hầu hết các cơ sở sản xuất đang trong tình trạng tồi tệ nên chi phí lao động sẽ tăng sau khi thống nhất cùng với thiếu hụt hiểu biết về công nghệ. Nên thật khó để hầu hết vốn cũ sẽ được sử dụng sau khi thống nhất.

Do vậy cần thiết phải xây dựng giả định rằng giống như trường hợp của nước Đức chỉ khoảng 30% vốn dự trữ hiện hành sẽ được sử dụng. Mặc dù công nghệ và vốn của CHDCND Triều Tiên lạc hậu rất nhiều so với Đông Đức cho nên hầu hết vốn của nó dường như sẽ bị loại bỏ sau khi thống nhất song nếu mức lương của CHDCND Triều Tiên không tăng theo tỷ lệ như của Đông Đức thì nguồn vốn chất lượng kém này sẽ bị loại bỏ hoàn toàn.

Giả sử công cuộc thống nhất đạt được theo các giả định nói trên và phía Hàn Quốc tiếp tục đầu tư vào CHDCND Triều Tiên cho tới tận khi tổng sản phẩm quốc nội của CHDCND Triều Tiên bằng 60% của Hàn Quốc và nguồn đầu tư

được phân bổ đồng đều thì phải đầu tư bao nhiêu cho CHDCND Triều Tiên? Việc dự toán các con số thực bằng mô hình CGE cần phải lấy một năm làm mốc. Phân đồng các nhà nghiên cứu đã chọn năm 1990 làm năm mốc do các số liệu được hạn chế và tình hình kinh tế khi đó. Vào năm 1990, tình hình kinh tế của CHDCND Triều Tiên khá tốt song bắt đầu suy thoái do sự sụp đổ của khối xã hội chủ nghĩa. Người ta có thể cho rằng các chi phí cần phải được dự toán theo như tình hình kinh tế hiện thời của CHDCND Triều Tiên, song quan trọng hơn là phải phân tích liệu Hàn Quốc có đủ khả năng tài trợ cho công cuộc thống nhất dựa trên cơ cấu kinh tế của hai miền không. Do vậy việc quyết định chọn năm 1990 làm mốc là khi cả hai nền kinh tế đang trong tình trạng khá ổn định là hợp lý. Ngân hàng Triều Tiên dự toán tổng sản phẩm quốc nội của CHDCND Triều Tiên tại thời điểm năm 1990 đạt gần 23,1 tỷ đô la Mỹ. Điều này có nghĩa là tổng sản phẩm quốc nội tính theo đầu người của CHDCND Triều Tiên là 1.006 đô la Mỹ. Cùng thời gian đó tổng sản phẩm quốc nội của Hàn Quốc tính theo đầu người là 5.693 đô la Mỹ, gần gấp năm lần CHDCND Triều Tiên⁽⁴⁾.

3. Khảo sát theo cách tính chi phí kinh tế của Young Sun Lee cho khả năng thống nhất nhanh chóng.

Từ kết quả tính toán trong bảng 1 của Young Sun Lee cho thấy giả sử để tổng sản phẩm quốc nội tính theo đầu người của CHDCND Triều Tiên đạt con số 3.416 đô la tức bằng 60% của Hàn Quốc (theo mốc năm 1990) thì nguồn vốn đầu tư tối thiểu đổ vào CHDCND Triều Tiên

⁽⁴⁾ Việc lựa chọn năm 1990 làm mốc để tiện cho sự nghiên cứu từ các giả định nêu trên. Điều này có ý nghĩa về mặt phương pháp luận chứ không có ý nghĩa thực tế về mặt con số tuyệt đối.

tính theo mô hình CGE phải là 88,749 tỷ đô la. Nếu nguồn đầu tư này được phân bổ đúng cho các ngành thì có thể coi là nó sẽ nhanh chóng đạt tới điểm cân bằng.

Bảng 1. Chi phí thống nhất của Young Sun Lee, Phân bổ tối ưu nguồn đầu tư, và cơ cấu công nghiệp của CHDCND Triều Tiên sau khi thống nhất

(Tổng sản phẩm quốc nội tính theo đầu người của CHDCND Triều Tiên = 0,6 X tổng sản phẩm quốc nội tính theo đầu người của Hàn Quốc theo mô hình CGE)

Ngành	Đầu tư tối ưu		Cơ cấu công nghiệp (Tính theo %) (Giá trị gia tăng)	Cơ cấu công nghiệp (Tính theo %) (Sản phẩm)
	Khối lượng (Tỷ USD)	Phần trăm đầu tư (%)		
Nông nghiệp	14,626	16,50	17,91	16,08
Mỏ	9,676	10,80	5,40	4,72
Công nghiệp nhẹ	5,622	6,34	6,97	14,43
Hoá chất	9,956	11,23	3,96	6,55
Kim loại sơ chế	4,682	5,28	2,04	5,02
Thép, máy công cụ	16,322	18,41	13,02	14,95
Các ngành chế tạo máy khác	0,666	0,75	0,77	0,72
Điện tử, gas, nước	3,772	4,25	1,70	2,76
Dịch vụ	23,427	26,43	48,23	34,78
Tổng cộng	88,749	100	100	100

Nguồn: Young Back Choi (2001) Edited, "Perspective on Korean Unification and Economic Integration"; Cheltenham, UK. Northampton, MA, USA, p.144.

Lưu ý rằng không phải mọi nguồn đầu tư đều được dùng trong chi tiêu của khu vực công cộng bởi vì phần lớn nguồn đầu tư được lấy từ khu vực tư nhân. Ở Đức chỉ có 17% tổng đầu tư lấy từ khu vực công song đầu tư cho khu vực công sẽ có thể chiếm đa phần ở Triều Tiên bởi vì nền kinh tế của Hàn Quốc chịu ảnh hưởng từ sự hoạch định mang tính chiến lược nhiều hơn so với ở Tây Đức. Nếu khu vực công cộng đóng góp 30% chi phí đầu tư tức là phải có khoảng 26,7 tỷ đô la Mỹ rót cho hoạt động của khu vực công.

Tuy nhiên, mô hình dự toán CGE không đưa nhân tố thời gian vào trong tính toán. Nói cách khác, mô hình CGE bỏ qua khoảng thời gian cần có để tổng

thu nhập quốc dân tính theo đầu người của CHDCND Triều Tiên bằng 60% của Hàn Quốc và giả định rằng CHDCND Triều Tiên sẽ đạt được các chỉ tiêu tăng trưởng theo như mong muốn mà không tính tới các chi phí điều chỉnh. Do vậy nó không đảm bảo tính thực tế. Một lượng đầu tư lớn như vậy không thể được tạo ra trong một thời gian ngắn và thậm chí nếu có thể được thì năng suất lao động dường như không tăng theo ngay lập tức được. Như đã thấy trong thực tế của nước Đức cần phải mất mười năm để tổng sản phẩm quốc nội của Đông Đức bằng 60% của Tây Đức.

Vì vậy, theo mô hình của Young Sun Lee, quan điểm vận dụng công thức CGE nhưng cũng phải xem xét yếu tố thời gian

là hoàn toàn hợp lý. Nếu theo logic như vậy tức là cần phải có một thời gian dài để CHDCND Triều Tiên đuổi kịp Hàn Quốc. Hệ quả tiếp theo là sẽ có nhiều người dân CHDCND Triều Tiên muốn chuyển tới sống ở Hàn Quốc cho tới khi tổng sản phẩm quốc nội của CHDCND Triều Tiên bằng 60% của Hàn Quốc. Để ngăn chặn làn sóng di cư này Hàn Quốc phải tạo ra một số quỹ để thiết lập một số biện pháp kiểm soát khủng hoảng kinh tế hay chi phí điều chỉnh. Cho nên cần có giả định rằng Hàn Quốc sẽ tài trợ cho CHDCND Triều Tiên để loại bỏ cách biệt về kinh tế cho tới tận khi tổng sản phẩm quốc nội tính theo đầu người của CHDCND Triều Tiên đạt được chỉ tiêu như đã định trước. Tổng lượng chi phí kiểm soát khủng hoảng kinh tế tùy thuộc vào tốc độ tăng tổng sản phẩm quốc nội tính theo đầu người của CHDCND Triều Tiên. Thời gian này càng kéo dài bao lâu thì chi phí càng tăng bấy nhiêu. Chúng ta cũng phải xem xét mức tăng trưởng của Hàn Quốc theo thời gian và lấy giả định của Young Sun Lee cho rằng tỷ lệ đó sẽ là 6% một năm.

Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng kinh tế của CHDCND Triều Tiên sẽ phụ thuộc vào tiến độ mở cửa và cải tổ kinh tế của nó trong tiến trình hội nhập kinh tế và hình thành một nền kinh tế thị trường hoạt động có hiệu quả. Bởi vì điều này không thể xác định trước được nên chúng tôi cũng nhất trí với quan điểm xây dựng giả định của Young Sun Lee về các tiến trình cho hai bối cảnh.

- Bối cảnh thứ nhất, giả định rằng CHDCND Triều Tiên tăng tổng sản phẩm quốc nội tính theo đầu người đạt tới mức bằng 60% của Hàn Quốc trong vòng năm năm. Do tổng sản phẩm quốc nội tính theo đầu người của CHDCND Triều Tiên trong năm bản lề bằng 20% của Hàn Quốc nên giả định rằng sự khác biệt này giảm dần mỗi năm 10%.

Các số liệu về đầu tư hàng năm cho chi phí kiểm soát khủng hoảng kinh tế, tỷ lệ tăng trưởng kinh tế của CHDCND Triều Tiên và chi phí thống nhất được trình bày trong kết quả tính toán trên máy điện toán theo mô hình CGE của Young Sun Lee như bảng thống kê sau đây.

Bảng 2: Chi phí thống nhất Triều Tiên theo bối cảnh thứ nhất
(tính theo tỷ đô la Mỹ)

	Chi phí đầu tư	Chi phí đầu tư công cộng (A)	Chi phí kiểm soát khủng hoảng kinh tế (B)	Chi phí thống nhất (A + B)	Tỷ lệ tăng trưởng của CHDCND Triều Tiên (%)
Năm thứ nhất	2,0	0,6	52,4	53,0	13,2
Năm thứ hai	18,0	5,4	41,6	47,0	59,0
Năm thứ ba	28,0	8,4	29,4	37,8	41,3
Năm thứ tư	40,8	12,2	15,6	27,8	32,5
Năm thứ năm	57,1	17,1	0	17,1	27,2
Tổng số	145,9	43,7	139	182,7	

Các giả định: (1): Năm làm mốc: 1990; (2): Nền kinh tế Hàn Quốc tăng trưởng với tốc độ 6% một năm; (3): Tổng thu nhập nội địa của CHDCND Triều Tiên tăng 10% /năm để xoá bỏ khác biệt với tổng thu nhập nội địa của Hàn Quốc.

Nguồn: Young Back Choi (2001) Edited, "Perspective on Korean Unification and Economic Integration"; Cheltenham, UK. Northampton, MA, USA, p.144.

Như vậy, tổng lượng đầu tư khi được phân bổ hợp lý là 145,9 tỷ đô la Mỹ. Con số này lớn hơn rất nhiều so với các kết quả được trình bày trong bảng 1 (cụ thể là 88,749 tỷ đô la Mỹ) bởi vì nền kinh tế Hàn Quốc sẽ tăng trưởng và do vậy cần phải có nhiều nguồn đầu tư hơn để xóa bỏ sự khác biệt kinh tế giữa hai miền Triều Tiên. Nếu đầu tư khu vực công chiếm 30% tổng đầu tư cần thiết thì 43,7 tỷ đô la Mỹ tài trợ sẽ được lấy từ các nguồn lực công. Tuy nhiên, tổng lượng đầu tư này cũng có thể được dự toán với giả định rằng nguồn đầu tư được phân bổ đồng đều cho các ngành. Thậm chí nếu như nền kinh tế thị trường được hình thành ở CHDCND Triều Tiên sau cuộc thống nhất nhanh chóng thì cũng cần phải có thời gian để hệ thống này vận hành được cho nên các nguồn đầu tư sẽ dường như sẽ không được phân bổ một cách có hiệu quả để nhanh chóng đạt tới mức tối ưu.

Do vậy con số được đưa ra ở bảng trên liên quan tới các chi phí tối thiểu nhưng chỉ tiêu thực tế sẽ dễ dàng vượt quá chỉ số này. Tổng chi phí 139 tỷ đô la Mỹ là con số cần có để chi phí cho vấn đề kiểm soát khủng hoảng kinh tế nhằm tăng thu nhập đầu người của CHDCND Triều Tiên bằng 60% của Hàn Quốc. Nếu như đối chứng thực tế trong trường hợp của nước Đức, chi phí cho phúc lợi xã hội sẽ vượt quá sai số cho phép của các chi phí đầu tư rất nhiều. Tổng đầu tư khu vực công và chi phí kiểm soát khủng hoảng là 182,7 tỷ đô la Mỹ, gần bằng 60% tổng thu nhập quốc nội của Hàn Quốc năm 1990. Nói cách khác, 12% tổng thu nhập

quốc dân của Hàn Quốc sẽ phải chuyển cho CHDCND Triều Tiên hàng năm trong vòng năm năm liền sau khi thống nhất Triều Tiên. Nếu con số này là quá lớn so với thu nhập của Hàn Quốc mỗi năm thì chính phủ phải phát hành công trái hoặc vay của nước ngoài. Nếu công trái được phát hành hoặc chính phủ có thể vay nợ nước ngoài thì Hàn Quốc sẽ phải tái phân bổ gánh nặng tài chính này vào khoảng 5% - 6% tổng thu nhập quốc dân hàng năm trong vòng mười năm liền sau khi thống nhất.

- Bối cảnh thứ hai dựa trên giả định rằng CHDCND Triều Tiên cần phải mất mười năm để tổng thu nhập quốc dân có thể bằng 60% của Hàn Quốc, tương tự như ở nước Đức.

Trong bối cảnh này, các chi phí cho kiểm soát khủng hoảng kinh tế là rất lớn bởi vì sự khác biệt về thu nhập giữa hai miền được xóa bỏ bằng cách tăng chi phí phúc lợi xã hội trong một thời gian dài hơn nữa. Các chi phí đầu tư sẽ không cần tăng bởi vì thời gian chuyển giao càng kéo dài bao nhiêu thì càng có nhiều cơ sở vật chất được tạo ra để thúc đẩy nền kinh tế CHDCND Triều Tiên tăng trưởng. Tuy nhiên, nếu chỉ có ít thời gian để xóa bỏ khác biệt về thu nhập giữa hai miền thì cần phải có ngay tổng lượng vốn lớn. Như được trình bày trong kết quả tính toán của Young Sun Lee theo mô hình CGE trong bảng 3, yêu cầu cần có tổng lượng đầu tư trong vòng mười một năm là 121,8 tỷ đô la Mỹ. Nếu chúng ta giả định rằng 30% tổng lượng đầu tư lấy từ khu vực công thì đầu tư khu vực công sẽ là khoảng 36,6 tỷ đô la Mỹ.

Bảng 3: Chi phí thống nhất Triều Tiên theo bối cảnh thứ 2 (tính theo tỷ đô la Mỹ):

	Chi phí đầu tư	Chi phí đầu tư khu vực công (A)	Chi phí kiểm soát khủng hoảng kinh tế (B)	Chi phí thống nhất (A + B)
Năm thứ nhất	0,4	0,1	52,7	52,8
Năm thứ hai	2,6	0,8	55,8	56,6
Năm thứ ba	4,0	1,2	58,5	59,7
Năm thứ tư	6,3	1,9	60,4	62,3
Năm thứ năm	7,8	2,3	61,1	63,4
Năm thứ sáu	6,5	2,0	60,3	62,3
Năm thứ bảy	10,9	3,3	57,2	60,5
Năm thứ tám	18,1	5,4	51,0	56,4
Năm thứ chín	18,5	5,6	40,8	56,4
Năm thứ mười	21,0	6,3	25,0	31,3
Năm thứ mười một	25,7	7,7	2,0	9,7
Tổng	121,8	36,6	524,8	561,4

Các giả định: (1): Năm làm mốc: 1990; (2): Tỷ lệ tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội tính theo đầu người hàng năm của Hàn Quốc và CHDCND Triều Tiên là 6% và 12%; (3): Hàn Quốc trả chi phí đầu tư và phí kiểm soát khủng hoảng kinh tế cho tới tận khi tổng sản phẩm quốc nội của CHDCND Triều Tiên tính theo đầu người bằng 60% của Hàn Quốc.

Nguồn: sdd; p. 147.

Từ kết quả tính toán của Young Sun Lee trong bảng 3 cho thấy chi phí kiểm soát khủng hoảng kinh tế nhằm đảm bảo mức sống cho người dân CHDCND Triều Tiên sẽ là 524,8 tỷ đô la Mỹ. Như vậy, việc tăng thêm chi phí đầu tư khu vực công được thể hiện qua con số này có nghĩa là Hàn Quốc sẽ phải sử dụng 36,6 tỷ đô la Mỹ cho chi tiêu khu vực công để có được thống nhất hai miền trong vòng mười một năm. Thu nhập tính theo đầu người của Hàn Quốc và CHDCND Triều Tiên trong năm cuối của thời kỳ này sẽ được ước định là 19.354 đô la Mỹ và 11.520 đô la Mỹ.

Từ các con số trên, có thể đưa ra nhận xét rằng chi phí cho kiểm soát khủng hoảng kinh tế sẽ lớn hơn nhiều so với bối cảnh nhằm xoá bỏ khác biệt về thu nhập trong vòng năm năm bởi vì mức thu nhập của Hàn Quốc sẽ tăng theo thời

gian và do vậy sẽ làm tăng thêm sự khác biệt này. Hơn nữa, do tác động của chi phí cho phúc lợi xã hội nên chi phí thống nhất tổn kém hơn nhiều trong bối cảnh thứ hai. Các quỹ kiểm soát khủng hoảng kinh tế cần phải đảm bảo mức sống cho người dân CHDCND Triều Tiên bao gồm cứu trợ dành cho người thất nghiệp, tài trợ cho người già, bảo hiểm y tế, quỹ giáo dục và tài trợ dành cho chính quyền địa phương ở CHDCND Triều Tiên.

Vậy làm thế nào để giảm thiểu chi phí kiểm soát khủng hoảng kinh tế? Cách hữu hiệu nhất là cắt giảm các chi phí nhằm xoá bỏ khác biệt về thu nhập giữa hai miền càng sớm càng tốt. Nói cách khác một lượng đầu tư lớn cần phải chuyển cho phía CHDCND Triều Tiên. Tuy nhiên, do phụ thuộc vào mong muốn của chính phủ nên lượng đầu tư khu vực công có thể sẽ tăng trong một thời gian

ngắn. Song, tổng lượng đầu tư khu vực tư nhân cũng đóng vai trò có ý nghĩa trong bối cảnh thống nhất và nó cũng tùy thuộc vào hoàn cảnh kinh tế hiện thời. Do đầu tư tư nhân được kích thích bởi hệ thống thị trường, nên việc tạo ra các hành lang pháp lý là rất quan trọng. Sự hình thành hạ tầng cơ sở của xã hội cũng sẽ khuyến khích đầu tư tư nhân đổ vào CHDCND Triều Tiên. Vì thế, nếu tăng đầu tư khu vực công thì sẽ làm giảm chi phí kiểm soát khủng hoảng kinh tế.

Giờ đây chúng ta vẫn thảo luận chi phí thống nhất trong trường hợp giả định công cuộc thống nhất diễn ra nhanh chóng. Vậy chi phí thống nhất trong tình huống giả định thống nhất diễn ra từng bước sẽ khác như thế nào?

4. Giả định sự thống nhất Bán đảo Triều Tiên theo "Chính sách ánh dương" của cựu tổng thống Kim Dea Jung.

Sự thống nhất khá bất ngờ của nước Đức năm 1990 cùng với sự sụp đổ của khối xã hội chủ nghĩa đã gây ra nhiều phần khích và tạo nên nhiều ảo tưởng về tương lai rất gần của hai miền Triều Tiên. Kể từ đó nhiều nhà kinh tế đã cố gắng tính toán chi phí cho công cuộc thống nhất Triều Tiên theo kinh nghiệm của nước Đức. Những dự toán này nhiều vừa đủ để trấn an sự phần khích ban đầu đối với viễn cảnh thống nhất Triều Tiên. Tuy nhiên, cuộc khủng hoảng tài chính ở Hàn Quốc năm 1997 lại nhấn chìm hơn nữa mong muốn thống nhất hai miền Triều Tiên theo kiểu Đức và điều này cũng được phản ánh rõ trong chính sách hiện hành của Hàn Quốc: "Chính sách ánh dương" khởi xướng bởi cựu Tổng thống Hàn Quốc Kim Dea Jung.

Mục tiêu chính của chính sách ánh dương là không thúc đẩy thống nhất ngay lập tức mà thay vào đó là thiết lập một

nền hoà bình bền vững dựa trên sự song song tồn tại hai nước Triều Tiên. Rất nhiều người ở Hàn Quốc đã chỉ trích chính sách này cho rằng nó đã giúp cho CHDCND Triều Tiên kéo dài một "thế chế quặt quẹo, ốm yếu về kinh tế". Song tính hợp lý của nó là nhằm tránh sự sụp đổ nhanh và toàn diện của CHDCND Triều Tiên. Những dự định trong chính sách này của Hàn Quốc là: (i) nhằm đảm bảo với CHDCND Triều Tiên rằng Hàn Quốc không mong muốn chính quyền CHDCND Triều Tiên sụp đổ; (ii) đảm bảo tài trợ kinh tế cho CHDCND Triều Tiên trong mức độ nhất định, bao gồm lương thực cứu đói và tài trợ xây dựng các nhà máy hạt nhân để đổi lấy việc CHDCND Triều Tiên từ bỏ tham vọng chế tạo vũ khí hạt nhân; (iii) trợ giúp CHDCND Triều Tiên trong việc cải tổ nền kinh tế ốm yếu bằng cách tăng cường trao đổi kinh tế với CHDCND Triều Tiên và cho phép người dân Hàn Quốc buôn bán với CHDCND Triều Tiên. Để xây dựng mối quan hệ này, một hoạt động thương mại đáng lưu ý đã được tiến hành giữa hai miền Triều Tiên là "Chương trình du lịch dãy Đá Hoa Cương" hứa hẹn sẽ đem lại thu nhập cho CHDCND Triều Tiên.

Tuy nhiên, kể từ năm 2000 tới nay, trên thực tế CHDCND Triều Tiên đã tỏ thái độ thờ ơ với kế hoạch này. Thay cho việc làm giảm căng thẳng trên Bán đảo Triều Tiên và tập trung cải thiện kinh tế thì CHDCND Triều Tiên lại tuyên bố sẽ phát triển vũ khí hạt nhân, gây ra một loạt những cuộc đối đầu về hải quân, phóng tên lửa đạn đạo tầm trung, v.v.. Một số trong các động thái này được xem như là tính toán của phía CHDCND Triều Tiên nhằm đạt được việc mặc cả trên thế mạnh (nhằm nhận được tài trợ nước ngoài nhiều nhất, đặc biệt là của Nhật và

Hoa Kỳ khi nước này không thể dựa vào tiền vay của các đồng minh lý tưởng là các nước bạn cũ như Nga hay Trung Quốc). Điều này có thể sẽ phản ánh tình trạng tiến thoái lưỡng nan mà các nhà lãnh đạo CHDCND Triều Tiên đang phải đối mặt khi họ nhận thấy được sự cần thiết phải hồi sinh nền kinh tế của mình.

Nhưng chính những hoạt động này lại đe dọa quyền lực của chính họ. Nền kinh tế CHDCND Triều Tiên đã rơi vào khủng hoảng nghiêm trọng từ thập kỷ 1990 tới những năm đầu thế kỷ 21, nó chỉ hoạt động ở mức bằng khoảng 20% chỉ số đạt được vào cuối những năm 1980.

Bảng 4: Các chỉ số của nền kinh tế CHDCND Triều Tiên giai đoạn 1992 – 1996

	1992	1993	1994	1995	1996
Tổng sản phẩm quốc nội (*)	20,8	20,9	15,4	12,8	10,6
Tỷ lệ tăng trưởng thật sự (%)	-	0,3	- 26,3	- 17,0	- 17,3
Khoản thu của chính phủ	15,8	16,2	16,6	9,7	8,1
Khoản chi của chính phủ	15,7	16,1	16,6	9,7	8,2
Nợ nước ngoài (theo tính toán của CHDCND Triều Tiên)	-	-	-	-	3,6
Nợ nước ngoài (theo tính toán của nước ngoài)	-	-	-	-	12,0

Chú thích (*): Tính theo tỷ đô la Mỹ với tỷ giá hối đoái là: 1 đô la = 2,5 Won Triều Tiên.

Nguồn: [Dữ liệu được các quan chức CHDCND Triều Tiên cung cấp cho Quỹ Tiền tệ Quốc tế, 1997]; Young Back Choi (2001) Edited, "Perspective on Korean Unification and Economic Integration"; Cheltebham, UK. Northampton, MA, USA, p.173.

Vì thế, nhiều người tin rằng, chính sách "Sunshine" vẫn vấp phải sự phản đối mạnh mẽ ngay chính tại Hàn Quốc. Mặc dầu sáng kiến này rất năng động về khía cạnh chính trị song nó có thể sẽ không tồn tại lâu trên khía cạnh kinh tế. Quan trọng hơn, những cuộc tranh cãi công khai về tương lai của hai miền Triều Tiên dường như mới chỉ dừng lại ở giả định về sự thống nhất thật sự. Do vậy mọi cuộc thảo luận tập trung vào những bối cảnh khác nhau của công cuộc thống nhất và làm thế nào để giải quyết những vấn đề kinh tế phát sinh chưa được quan tâm lắm. Trong khung cảnh đó việc tiến hành dự toán về thống nhất Triều Tiên theo một giả định thứ hai cũng không

phải là thừa. Cần phải nhắc lại rằng trong tình huống thống nhất diễn ra từng bước thì vẫn còn tồn tại biên giới giữa Hàn Quốc và CHDCND Triều Tiên. Do vậy việc ngăn chặn làn sóng di cư lớn từ CHDCND Triều Tiên vào Hàn Quốc cũng như hình thành nền kinh tế thị trường ở CHDCND Triều Tiên sẽ phải dựa vào hiệp định được ký giữa hai miền Triều Tiên. Người ta giả định rằng Hàn Quốc vẫn phải tiếp tục công cuộc tài trợ cho tới khi thu nhập đầu người của CHDCND Triều Tiên bằng 60% của Hàn Quốc. Do không có làn sóng di cư lớn của người dân CHDCND Triều Tiên nên những chi phí phúc lợi xã hội thêm là không cần thiết. Tuy nhiên nếu như

CHDCND Triều Tiên không hình thành ngay hệ thống kinh tế thị trường thì đầu tư không có hiệu quả còn tiếp tục kéo dài. Do vậy, có thể nhận xét rằng chi phí đầu tư sẽ lớn hơn rất nhiều so với thống nhất nhanh chóng. Nghiên cứu kinh nghiệm của Đông Âu cho thấy hiệu suất đầu tư của các nước xã hội chủ nghĩa chỉ bằng 2/3 của các nước tư bản. Hiệu quả đầu tư của CHDCND Triều Tiên thậm chí sẽ thấp hơn so với các nước Đông Âu bởi vì các nước này có sức mạnh của cả khối xã hội chủ nghĩa kết hợp lại. Nếu chúng ta giả định rằng hiệu quả đầu tư của CHDCND Triều Tiên trong vòng mười năm để thống nhất từng bước bằng một nửa Hàn Quốc thì tổng đầu tư khu vực công cần chuyển giao cho CHDCND Triều Tiên sẽ vào khoảng 73,2 tỷ USD⁽⁵⁾ lớn hơn nhiều so với chi phí khu vực công trong trường hợp thống nhất nhanh chóng. Tuy nhiên, thậm chí nếu như chi phí lớn gấp hai lần so với thống nhất nhanh chóng thì chi phí cho thống nhất từng bước vẫn thấp hơn. Điều này được giải thích bởi trong bối cảnh thống nhất từng bước sẽ loại bỏ được chi phí kiểm soát khủng hoảng kinh tế. Vì vậy, câu hỏi đặt ra là liệu hai miền Triều Tiên có thể có được một hiệp định để theo đuổi công cuộc thống nhất từng bước hay không?

Tóm lại, tới nay nhiều người vẫn chưa dám tin chắc chắn rằng CHDCND Triều Tiên sẽ chấp nhận nền dân chủ cùng với nền kinh tế thị trường cũng như mở cửa và cải tổ nền kinh tế trong một tương lai gần. Tuy nhiên, cũng có thể trong quá trình theo đuổi công cuộc thống nhất từng bước thì những thay đổi bất ngờ sẽ chuyển nó thành thống nhất nhanh chóng. Trong trường hợp này thì các chi

phí thống nhất có thể được dự toán bằng cách kết hợp hai tình huống vừa được bàn luận ở trên. Hơn nữa, một phần lớn nguồn lực chuyển giao từ phía Hàn Quốc cho CHDCND Triều Tiên có thể sẽ được sử dụng vào các mục đích tiêu dùng nhằm nâng cao mức sống của người dân CHDCND Triều Tiên thậm chí kể cả khi thống nhất từng bước diễn ra. Trong trường hợp này, chi phí thống nhất từng bước sẽ cao hơn các chỉ số được dự toán với giả định rằng không có chi phí kiểm soát khủng hoảng kinh tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bank of Korea (1999), (2000). *Statistics*.
2. The Ministry of Public Finance and Economy (1997). *Public Finance Statistics of Korea*.
3. Boss, Alfred (1998). "How Germany Shouldered the fiscal Burden of the Unification." Kiel Working Paper No.851. Kiel: The Kiel Institute of World Economics.
4. Cho, Dong Ho (1997). "The estimation of Benefit of Korea Unification," in Young Yun Kim (ed). *Division Costs and Unification Costs*. Seoul: Korea Development Institute (KDI)
5. Lange and Taylor (1998). *On the Economic Theory of Socialism*. The University of Minnesota Press.
6. Lee, Young Sun (1994). "Economic integration of the Korean Peninsula: A Scenario Approach to the Cost of Unification," in Sung Yeung Kwack (ed). *The Korean Economy at a Crossroad*. Westport CT: Praeger.
7. Noland, M., S. Robinson and M. Scatasta (1996). "Modeling Economic Reforms in North Korea." mimeo.
8. Young Back Choi, Yesook Merrill, Yung Y. Yang and Semoon Chang (2001). "Perspectives on Korean Unification and Economic Integration", Edward Elgar, Cheltenham, UK. Northampton, MA, USA.
9. Shin, Dong-Chun (1998). *Economic Cooperation and Unification Costs: A comparative Analysis between Germany and Korea*. Seoul: Samssung Economic Institute.

⁽⁵⁾ Con số theo tính toán ước đoán của các nhà kinh tế Hàn Quốc năm 2000.